

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

NGUYÊN TẮC THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Như Huế^(*)

^(*) Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Email: nhuhue1310@gmail.com

Tóm tắt: Ở Việt Nam, hoạt động giảng dạy triết học nói riêng và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung được triển khai tại các cơ sở giáo dục đại học. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy và khẳng định vai trò của triết học trong đời sống thực tiễn, việc quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là yêu cầu có tính tất yếu. Xuất phát từ mục tiêu đó, bài viết tập trung phân tích nội dung và yêu cầu của việc vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy triết học, nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy triết học trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: triết học, giảng dạy triết học, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

Ngày nhận bài: 18/12/2024; ngày phản biện: 19/12/2024; ngày sửa chữa: 10/01/2025; ngày duyệt đăng: 25/05/2025.

1. Mở đầu

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu quan điểm chỉ đạo: “*Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt* của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển *sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và

chủ nghĩa xã hội (...). Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021a: 33). Tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII, Đảng ta nhấn mạnh: “*kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*; tiếp tục nghiên cứu phát triển, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021b: 94).

Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu và học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng hiện nay.

Triết học là hệ thống tri thức lý luận mang tính trừu tượng cao, do đó nếu không vận dụng hiệu quả nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình giảng dạy, người học sẽ gặp khó khăn trong việc phân tích, đánh giá và ứng dụng các vấn đề triết học vào thực tế. Mặc dù triết học không trực tiếp cung cấp các giải pháp công nghệ, không trực tiếp sản xuất kinh doanh, sản xuất ra của cải vật chất, không trực tiếp thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng triết học lại cung cấp cho những người hoạch định chính sách một tư duy sắc bén để nhận thức đúng đắn điều kiện, hoàn cảnh khách quan và dự báo xu hướng vận động của xã hội để từ đó có chính sách thực hiện đúng đắn hơn. Có thể nói, triết học không trừu tượng, xa rời thực tiễn, mà trái lại, nó có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, không phải người học nào cũng dễ dàng nhận thức được vai trò đó. Do vậy, việc gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy triết học là cách thiết thực để minh chứng cho giá trị và tính ứng dụng của triết học trong đời sống thực tiễn.

2. Các vấn đề lý luận về giảng dạy triết học: phương pháp, mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc

Về khái niệm triết học, theo quan

điểm chủ nghĩa Mác - Lênin: “triết học là hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về thế giới, về vị trí, vai trò của con người trong thế giới đó” (Bùi Thị Thanh Hương và cộng sự 2018: 14).

Phương pháp giảng dạy triết học có thể được hiểu là hệ thống các cách thức tổ chức hoạt động dạy và học, bao gồm những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của người dạy đối với người học, nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung giảng dạy triết học.

Mục tiêu của giảng dạy triết học là giúp người học hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá được tri thức triết học ở những trình độ đào tạo khác nhau; hình thành và phát triển kỹ năng, tư duy, phương pháp luận; trực tiếp giáo dục thế giới quan, nhân sinh quan khoa học, cách mạng cho người học.

Nhiệm vụ của giảng dạy triết học: Nhiệm vụ của giảng dạy triết học được xác định trên cơ sở mục tiêu giảng dạy, do đó phải phù hợp và phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện mục tiêu đó. Về cơ bản, giảng dạy triết học có nhiệm vụ cơ bản là trang bị cho người học hệ thống tri thức triết học nền tảng, phát triển năng lực tư duy lý luận và phương pháp luận khoa học, đồng thời góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, thế giới quan khoa học cho người học.

Như vậy, nội dung giảng dạy triết học bao gồm việc làm rõ các khái niệm, phạm trù triết học; các nguyên lý, quy luật của triết học; cũng như ý nghĩa

phương pháp luận của triết học.

Việc giảng dạy triết học cần tuân theo các nguyên tắc cơ bản sau đây: giảng dạy dựa trên nhu cầu của người học; kết hợp giữa tính bền vững của kiến thức cơ bản với sự sáng tạo trong phương pháp giảng dạy triết học; vận dụng linh hoạt các phương pháp khác nhau; áp dụng các phương pháp tích cực gắn với đổi mới phương tiện dạy học và tăng cường khả năng ứng dụng công nghệ trong quá trình giảng dạy triết học; bảo đảm sự thống nhất giữa vai trò tích cực của người học với vai trò chủ đạo của người dạy; đồng thời phải đảm bảo gắn kết chặt lý luận với thực tiễn. Trong đó, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn không chỉ là nguyên tắc bao trùm, mà còn là đặc trưng nổi bật trong giảng dạy triết học.

Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy triết học là yêu cầu quan trọng vì nó gắn liền với nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. C.Mác và Ph.Ăngghen trong tác phẩm *Luận cương về Phoi-ơ-bắc* viết: “các nhà triết học trước kia chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995: 53). Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi” (Hồ Chí Minh 2011a: 273-274). “Làm mà không có lý luận thì không khác gì đi mò trong

đêm tối, vừa chậm chạp vừa hay vấp vấp” (Hồ Chí Minh 2011b: 357). Người khẳng định, “lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên” (Hồ Chí Minh 2011a: 275). Hay, “lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào là một cái hòm đựng sách (Hồ Chí Minh 2011a: 274).

Quả thật, nói một cách hình ảnh, “lý luận chỉ là một màu xám xịt, còn cây đời mãi xanh tươi” (Johann Wolfgang Von Goethe 2015). Vì nhiều lý do khác nhau và trong một thời gian dài, các môn lý luận chính trị nói chung và triết học nói riêng thường bị người học nhìn nhận như một hệ thống lý luận khô khan, trừu tượng, thiếu tính thực tiễn. Vì thế, nếu không vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy triết học, thì rất dễ dẫn đến hai căn bệnh phổ biến: bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều. Bệnh kinh nghiệm biểu hiện ở việc người dạy tuyệt đối hóa kinh nghiệm giảng dạy thực tế, không đánh giá đúng mức vai trò của lý luận. Ngược lại, bệnh giáo điều biểu hiện ở chỗ cách tiếp cận thiên về lý thuyết một cách cứng nhắc, đặc biệt là lý luận không gắn liền với thực tiễn. Bởi vậy, việc thực hiện nghiêm túc nguyên tắc thống nhất

giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy triết học là điều cần thiết. Chỉ khi đó, lý luận mới được kiểm chứng qua thực tiễn và thực tiễn mới được soi sáng, giải thích bởi lý luận.

3. Vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy những nội dung cơ bản của triết học

Việc vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy triết học là hết sức quan trọng. Để vận dụng hiệu quả nguyên tắc này, cần chú ý một số điểm sau:

Thứ nhất, cần vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy các phạm trù, khái niệm triết học.

Khác với các khoa học khác, triết học nghiên cứu những phạm trù chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, như vật chất, ý thức, vận động, không gian, thời gian, nguyên nhân - kết quả, bản chất - hiện tượng, tất nhiên - ngẫu nhiên, v.v.. Các phạm trù này phản ánh sự khái quát ở mức độ cao nhất về thế giới khách quan cũng như phản ánh thế giới khách quan trong tư duy con người. Đây là những khái niệm cơ bản và phổ biến nhất trong hệ thống tri thức triết học. Bên cạnh đó, triết học còn nghiên cứu các khuynh hướng thế giới quan và phương pháp luận chủ yếu, như duy vật, duy tâm, biện chứng, siêu hình.

Để giúp người học hiểu được các phạm trù triết học, giảng viên không thể

“nhồi nhét” các khái niệm một cách áp đặt với người học. Yêu cầu tối thiểu là giảng viên phải hiểu chính xác các khái niệm, phạm trù cơ bản và có khả năng vận dụng trong thực tế. Trên cơ sở đó, giảng viên tìm phương pháp phù hợp để giảng giải và lấy ví dụ thực tiễn về các phạm trù cho người học hiểu.

Khi giảng dạy về các phạm trù triết học, giảng viên cần sử dụng đa dạng các ví dụ thực tiễn nhằm minh họa, củng cố và nhắc lại thường xuyên nội dung bài giảng để người học có thể hiểu rõ, ghi nhớ và vận dụng hiệu quả các khái niệm vào thực tế. Chẳng hạn, khái niệm nguyên nhân - kết quả có thể được vận dụng khi bàn về những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam; hay đối với sinh viên ngành báo chí, giảng viên có thể vận dụng phạm trù mối liên hệ phổ biến vào thực tiễn nghề nghiệp báo chí, qua đó chỉ ra sự tác động và ảnh hưởng của thông tin, phát ngôn báo chí đến dư luận xã hội, đến các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội...

Thứ hai, vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy nội dung các nguyên lý, quy luật, phạm trù, các mối quan hệ biện chứng trong triết học.

Nguyên lý triết học là những luận điểm triết học cơ bản, phản ánh những đặc trưng phổ quát và nền tảng của thế giới, đóng vai trò làm cơ sở xuất phát cho việc xây dựng hệ thống tư tưởng của một trường phái hay một xu hướng

triết học nào đó. Trong chủ nghĩa duy vật biện chứng, các nguyên lý cơ bản bao gồm: nguyên lý về mối liên hệ phổ biến; nguyên lý về sự vận động và phát triển; nguyên lý về vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức, thực tiễn quyết định lý luận. Các nguyên lý này thể hiện rõ tính chất duy vật và biện chứng của triết học Mác - Lênin, đồng thời là nền tảng lý luận cho việc hình thành và phát triển thế giới quan cũng như phương pháp luận mácxít.

Các nguyên lý triết học được rút ra từ hiện thực khách quan, do vậy, trong quá trình giảng dạy nội dung các nguyên lý, giảng viên cần sử dụng các ví dụ thực tiễn và khoa học tự nhiên để chứng minh cho tính đúng đắn của nguyên lý đó; giúp cho người học biết cách vận dụng, phân tích các biểu hiện của các nguyên lý trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, từ đó củng cố nhận thức của họ về nguyên lý. Ví dụ, khi giảng dạy nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, giảng viên có thể chỉ ra mối liên hệ, sự tác động của biến đổi khí hậu đến tất cả các lĩnh vực, vùng lãnh thổ trên phạm vi toàn cầu. Tương tự, khi trình bày mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giảng viên có thể liên hệ với thực tiễn giáo dục đạo đức truyền thống, tuân thủ quy định pháp luật, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nếu hệ thống pháp luật nghiêm minh và phù hợp, cùng với nền văn hóa lành mạnh, thì sẽ góp phần quan trọng

trong việc định hướng ý thức và hành động của con người, thúc đẩy sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội.

Trong nội dung giảng dạy triết học, các quy luật cơ bản cần phải được trình bày gồm có: quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập; quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất; quy luật phủ định của phủ định. Đây là các quy luật phản ánh sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng. Bên cạnh đó, giảng viên cũng cần làm rõ các giai đoạn của quá trình nhận thức, gồm: trực quan sinh động, tư duy trừu tượng và thực tiễn, trong đó thực tiễn vừa là điểm xuất phát vừa là tiêu chuẩn để kiểm nghiệm chân lý. Những nội dung này cần được giảng dạy theo hướng gắn kết với các ví dụ thực tiễn từ lĩnh vực tự nhiên, xã hội hay tư duy, nhằm giúp người học hiểu sâu sắc và có khả năng vận dụng vào thực tiễn.

Các quy luật vận động và phát triển của xã hội, như quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy luật về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, về vai trò động lực trực tiếp của đấu tranh giai cấp; về tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội,... là những quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trong quá trình giảng dạy những nội dung này, giảng viên nhất thiết phải làm rõ lý luận của triết học Mác - Lênin,

nhưng không chỉ đơn thuần dừng lại ở lý luận mà cần chỉ ra lý luận đó thể hiện trong thực tiễn như thế nào, cần làm rõ những lý luận này chính là nền tảng tư tưởng của Đảng, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Chúng được thể hiện ở việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ở việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần, phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay. Chẳng hạn, từ nội dung triết học về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, giảng viên cần phải chỉ ra lý luận này đã được vận dụng vào điều kiện Việt Nam. Quan điểm đó được thể hiện rõ trong Văn kiện XIII của Đảng: “trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “*dân là gốc*”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021a: 27)

Thứ ba, vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy ý nghĩa phương pháp luận triết học.

Từ các nguyên lý, quy luật, mối quan hệ biện chứng trong triết học, giảng viên giúp người học rút ra ý nghĩa phương pháp luận, như nguyên tắc khách quan, nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc lịch sử - cụ thể. Khi phân tích ý nghĩa phương pháp luận

triết học, giảng viên cần vận dụng vào thực tiễn để làm nổi bật vai trò định hướng của triết học trong đời sống xã hội. Chẳng hạn, vận dụng nguyên tắc khách quan đòi hỏi phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, tránh áp đặt ý chí chủ quan, nếu vi phạm nguyên tắc này - như việc khai thác tài nguyên thiếu kiểm soát hoặc phát triển công nghiệp không gắn với bảo vệ môi trường - là một trong những nguyên nhân sâu xa gây ra biến đổi khí hậu. Việt Nam hiện được đánh giá là một trong 10 quốc gia chịu tổn thương lớn nhất do tác động của biến đổi khí hậu, với những biểu hiện rõ rệt như nước biển dâng và xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tương tự, việc vận dụng nguyên tắc lịch sử - cụ thể trong hoạch định chính sách đòi hỏi phải xuất phát từ điều kiện lịch sử, xã hội và trình độ phát triển cụ thể, ban hành quy định cần phù hợp với đối tượng cụ thể.

4. Một số yêu cầu của việc vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy triết học

Thứ nhất, cần tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo sao cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay.

Khi được hỏi về những nội dung của chương trình đào tạo cần đáp ứng để vận dụng hiệu quả nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy triết học, một bộ phận sinh

viên cho rằng phương pháp giảng dạy là yếu tố quan trọng nhất, chiếm tỷ lệ cao nhất là 53.8%, tiếp đến là chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với 35.5%; trong khi đó, hình thức kiểm tra, đánh giá lại được xem là ít quan trọng nhất, chỉ chiếm 10.7% (Nguyễn Thị Như Huê, khảo sát năm 2024).

Mặc dù kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của phương pháp giảng dạy, nhưng việc đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá sao cho phù hợp với phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra cũng là yêu cầu cấp thiết. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, một bộ phận sinh viên chưa thực sự nhận thức đầy đủ về vai trò của kiểm tra, đánh giá trong việc hiện thực hóa nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Cụ thể, tỷ lệ sinh viên năm thứ nhất đánh giá cao vai trò của kiểm tra, đánh giá là 11.2%, sinh viên năm thứ 3 là 14.6%, thậm chí, sinh viên năm tư chỉ còn 7.3% (Nguyễn Thị Như Huê, khảo sát năm 2024). Những số liệu trên cho thấy, giảng viên không chỉ cần đổi mới phương pháp giảng dạy, mà còn phải điều chỉnh hình thức kiểm tra, đánh giá để phù hợp với chuẩn đầu ra và nội dung học phần. Đồng thời, cần giới thiệu và hướng dẫn sinh viên ngay từ đầu học phần về các nội dung cốt lõi, như chuẩn đầu ra, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra, đánh giá, nhằm nâng cao tính chủ động và định hướng học tập đúng đắn cho người học, cụ thể:

Về chuẩn đầu ra học phần: chuẩn đầu ra học phần triết học phải đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Các chuẩn đầu ra này cần xác định đạt được một số chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và đảm bảo việc thực hiện nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

Về phương pháp dạy - học: xác định phương pháp dạy và học giúp cho cả người dạy và người học không bị lúng túng khi vận dụng lý luận vào thực tiễn. Một trong những nguyên nhân khiến cho việc người học không hứng thú đối với các môn lý luận chính trị là giảng viên chưa sử dụng các phương pháp tích cực để cuốn hút họ vào bài giảng của mình, chưa phát huy năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn. Đối với các phương pháp truyền thống khi được sử dụng thì giáo viên là trung tâm, chủ yếu giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng, là người cung cấp tri thức, còn người học là người nghe, nhớ, ghi chép và suy nghĩ theo. Bởi vậy, để vận dụng hiệu quả nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả giờ giảng, tạo hứng thú cho người học, giảng viên cần sử dụng đa dạng và thường xuyên hơn các phương pháp trong giảng dạy triết học, đặc biệt tăng cường các phương pháp giúp người học vận dụng lý luận vào thực tiễn, như phương pháp trải nghiệm thực tiễn, đóng vai, dạy học bằng tình huống,...

Về hình thức kiểm tra, đánh giá: trước đây, việc đánh giá người học thường được sử dụng chủ yếu thông qua hình thức tự luận, tập trung vào các mức độ nhận thức cơ bản như ghi nhớ và hiểu. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu vận dụng lý luận vào thực tiễn, cần phải đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá, đồng thời mở rộng phạm vi đánh giá sang các mức độ nhận thức cao hơn như vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Các hình thức kiểm tra có thể bao gồm: thuyết trình nhóm hoặc cá nhân, bài tập dự án, các hoạt động kiểm tra thông qua trải nghiệm thực tế,...

Thứ hai, yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên trong vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn vào giảng dạy triết học.

Đối với hệ thống các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật triết học, do kiến thức mang tính đặc thù, khái quát, trừu tượng nên yêu cầu người giảng viên cần có kiến thức và tầm hiểu biết rộng, khéo léo lồng ghép những ví dụ thực tiễn xã hội vào trong bài giảng, làm cho bài giảng thêm phong phú và giúp người học dễ tiếp cận. Để đáp ứng được yêu cầu này, giảng viên cần không ngừng tự tìm kiếm, nghiên cứu, đọc tài liệu, nắm bắt tình hình thời sự trong nước và quốc tế, nâng cao kiến thức chuyên môn và kiến thức thực tiễn.

Gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy triết học đòi hỏi giảng viên

phải tìm hiểu, nghiên cứu bài giảng kỹ lưỡng, thường xuyên cập nhật, thu thập các nguồn tài liệu, thông tin mới về các sự kiện đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ trên mọi lĩnh vực ở trong nước cũng như quốc tế để cập nhật, đưa ví dụ vào bài giảng, gắn lý luận với tình hình thực tiễn đang diễn ra, làm cho bài giảng phong phú và giúp cho người học thấy tính thực tiễn của triết học. Trong bài giảng, giảng viên cần đưa ra những sự việc, tình huống trong thực tiễn để người học được tham gia thảo luận và tìm ra giải pháp cho những vấn đề thực tiễn. Giảng viên cần phải có vốn kiến thức về hoạt động thực tiễn phong phú, đồng thời biết huy động, khơi dậy tri thức thực tiễn từ phía người học, qua đó giúp người học thấy sự gắn bó chặt chẽ giữa tri thức lý luận với thực tiễn trong quá trình học tập.

Tuy nhiên, khi đưa thực tiễn vào bài giảng, giảng viên cần cập nhật các thông tin, sự kiện một cách có chọn lọc, mang tính thời sự và có nguồn gốc chính xác. Tránh tình trạng đưa quá nhiều thông tin nhưng hời hợt, manh mún và không sát thực với lý luận đang cần chứng minh, bởi điều này không những không làm tăng tính thực tiễn mà còn có thể làm giảm giá trị lý luận, thậm chí “tầm thường hóa” lý luận. Ngoài ra, cần hạn chế việc sử dụng một số dẫn chứng, ví dụ minh họa cũ, hoặc một ví dụ minh họa sử dụng ở nhiều lớp học khác nhau. Bên cạnh

đó, giảng viên cần vận dụng nội dung các văn kiện, nghị quyết của Đảng vào bài giảng, vì đây là nguồn tài liệu chính thống và đáng tin cậy.

Giảng viên phải lập kế hoạch chi tiết bài giảng khi vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn vào giảng dạy triết học. Giảng viên phải xác định rõ ràng mục đích, nhiệm vụ của từng tri thức, từng nội dung có thể giải quyết vấn đề gì trong thực tiễn. Liên hệ các quy luật triết học với việc đề ra đường lối chủ trương chỉ đạo hoạt động thực tiễn của Đảng, giải thích những vướng mắc trong sự phát triển của tri thức bằng thực tiễn triết học. Tính có ích của tri thức triết học với người học và hoạt động thực tiễn cần được chú trọng.

Khi lập kế hoạch bài giảng, giảng viên đều có thể đặt câu hỏi: Nội dung lý luận này có giá trị gì trong cuộc sống? Bài giảng này sẽ hình thành kỹ năng gì cho người học? Thực tế cuộc sống với lý luận trong bài giảng có liên hệ gì với nhau? Cần xây dựng những hoạt động nào để giúp cho người học hiểu lý luận? Phần thực hành cần bao nhiêu thời gian trong tổng số tiết giảng? Kết quả của thực hành được đánh giá như thế nào? Cần làm rõ cho sinh viên hiểu về nghề nghiệp tương lai của mình từ đó sinh viên sẽ ý thức và tích cực tham gia vào hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp của mình. Khi lập kế hoạch chi tiết bài giảng, giảng

viên phải xác định và lựa chọn các phương pháp dạy - học phù hợp nhằm thực hiện nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, đạt được chuẩn đầu ra học phần.

Thứ ba, yêu cầu tăng cường nghiên cứu khoa học, khắc phục và ngăn ngừa bệnh giáo điều, kinh nghiệm trong giảng dạy triết học.

Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ song hành với hoạt động giảng dạy của giảng viên, thông qua mỗi công trình khoa học, giảng viên sẽ nâng cao và mở rộng kiến thức của mình, từ đó bổ sung vào bài giảng. Sự uyên bác của người giảng viên về thực tiễn để vận dụng vào giảng dạy triết học sẽ giúp người học cảm thấy bài học nhẹ nhàng, đỡ mệt mỏi nhưng vẫn sâu sắc, phong phú về tri thức lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu khoa học vừa là quyền lợi, vừa là một trong những nhiệm vụ chính của giảng viên, đây là hoạt động giúp giảng viên nhanh chóng trưởng thành về mặt chuyên môn, kinh nghiệm và trở thành đòn bẩy nâng cao hiệu quả vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, tránh bệnh kinh nghiệm, giáo điều trong giảng dạy triết học.

Yêu cầu trong nghiên cứu khoa học trước hết thể hiện ở sự đam mê trong nghiên cứu, thể hiện ở sự chủ động, tích cực tìm các chủ đề bài viết, xã hội hóa các công trình nghiên cứu. Tích cực nghiên cứu, viết giáo trình, bài giảng và có năng lực nghiên cứu lý luận, tổng

kết thực tiễn, nhận diện vấn đề cũng là những yêu cầu về năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành lý luận chính trị trong vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn vào giảng dạy triết học.

5. Kết luận

Tóm lại, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là một yêu cầu tất yếu trong hoạt động giảng dạy, đặc biệt trong giảng dạy triết học - hệ thống tri thức lý luận chung nhất. Việc vận dụng nguyên tắc này không chỉ làm sáng tỏ vai trò quyết định của thực tiễn đối với lý luận, mà còn khẳng định tính hướng dẫn, định hướng của lý luận đối với thực tiễn. Nhờ đó, thực tiễn được lý giải trên cơ sở lý luận, còn lý luận được kiểm chứng và cụ thể hóa qua thực tiễn, từ đó sẽ tránh được bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều trong giảng dạy triết học. Triết học vì thế không còn là hệ thống lý thuyết trừu tượng, khô khan hay xa rời thực tiễn cuộc sống, mà trở nên gần gũi, thiết thực, không còn là “nỗi sợ” đối với người học. Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả nguyên tắc này trong giảng dạy triết học, đòi hỏi có sự kết hợp đồng bộ của nhiều yếu tố, từ chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, hình thức kiểm tra, đánh giá, trình độ chuyên môn, kỹ năng, phương pháp giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên, cũng như sự nỗ lực và chủ động của người học.

Tài liệu trích dẫn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021a. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập I. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021b. *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

3. Bùi Thị Thanh Hương, Nguyễn Minh Hoàn (đồng chủ biên). 2018. *Giáo trình triết học Mác - Lênin*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

4. Nguyễn Thị Như Huế. 2024. *Nguồn tác giả khảo sát 412 sinh viên đã học học phần triết học tại các trường đại học* (Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội).

5. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*. Tập 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

6. Hồ Chí Minh. 2011a. *Toàn tập*. Tập 5. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

7. Hồ Chí Minh. 2011b. *Toàn tập*. Tập 6. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

8. Johann Wolfgang Von Goethe. 2015. *Tác phẩm kịch thơ Faust*. Dịch giả Quang Chiển. Hà Nội: Nxb. Văn học và Nhã Nam.